

Bản án số: 127/2023/HS-ST
Ngày: 18-8-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Thục Hiền.

2/ Ông Phạm Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Viết Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 và ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/HSST-QĐ ngày 26/6/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2023/QĐXXST-HS, ngày 03/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/HSST-QĐ ngày 24/7/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2023/QĐXXST-HS, ngày 24/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Dương Quốc V1 (tên gọi khác: LÉ), sinh năm: 1997, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 58/15 NNC, Phường MS, Quận T, Thành phố HCM; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn V3 và bà Dương Thị N1 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 556/QĐ-TA ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, với thời hạn 16 tháng; đến ngày 12/01/2021 chấp hành xong.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2022 đến nay. (Có mặt).

2. Ngô Văn V2, sinh năm: 2000, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số 223/5 PĐ, Phường MS, Quận T, Thành phố HCM; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 và bà Ngô Thị H2; chung sống

như vợ chồng với Phạm Thị Thu T4 (sinh năm: 2000) vào năm 2018 (hai bên đã ly thân) và có 01 con chung (sinh năm: 2018); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/12/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về hành vi “Cướp giật tài sản”; đến ngày 11/8/2023 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2022 đến nay. (Có mặt).

3. Nguyễn Vũ T1, sinh năm: 1998, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số 14A/4 ND, Phường C, Quận T, Thành phố HCM; chỗ ở: Số 2210/60/5 tổ 4, KPM, phường TCH, Quận MH, Thành phố HCM); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn V4 và bà Quách Thị Cẩm H3; chung sống như vợ chồng với Vương Nguyễn Trúc Đ1 (sinh năm: 1997) vào năm 2016 và có 03 con chung (sinh năm: 2017, 2019, 2021); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 360/2018/QĐ-TA ngày 13/7/2018, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, với thời hạn 24 tháng; đến ngày 13/5/2020 chấp hành xong. Nhân thân: Tại Quyết định số 539/QĐ-TA ngày 14/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, với thời hạn 15 tháng; đến ngày 14/9/2017 chấp hành xong.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2022 đến nay. (Có mặt).

4. Trần Hoàng T2 (tên gọi khác: Đui), sinh năm: 1996, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số 7/64 TT, Phường MB, Quận M, Thành phố HCM; chỗ ở: Số 322 NTT, KPH, phường BHHB, quận BT, Thành phố HCM); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H4 và bà Phạm Thị Thu H5; chung sống như vợ chồng với Trần Thị Hoa N1 (sinh năm: 1990) vào năm 2021 (hai bên đã ly thân vào năm 2022) và có 01 con chung (sinh năm: 2022, đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 663/2018/QĐ-TA ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, với thời hạn 24 tháng; đến ngày 17/10/2020 chấp hành xong. Nhân thân: Tại Quyết định số 20/QĐ-TA ngày 12/02/2015, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, với thời hạn 18 tháng; đến ngày 14/7/2016 chấp hành xong.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2022 đến nay. (Có mặt).

5. Lê Công T3 (tên gọi khác: Bi), sinh năm: 1990, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 58/15 NNC, Phường MS, Quận T, Thành phố HCM; nghề nghiệp: Làm công (phụ bếp); trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T5 (đã chết) và bà Dương Thị N2; có vợ (hai bên đã ly thân vào năm 2013) và có 01 con chung (sinh năm: 2010); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 663/QĐ-TA ngày 17/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, với thời hạn 15 tháng; đến ngày 22/8/2021 chấp hành xong.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến nay. (Có mặt).

****Bị hại:***

Bà: Thân Thị Yến N3, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Ấp SB, xã TP, huyện TB, tỉnh TN; chỗ ở: Hẻm 172, nhà số 12P' NTT, Phường H, Quận T, Thành phố HCM. (Vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1/ Bà: Thân Thị Kiều T6, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Số 2.13 chung cư PVT, Phường H, Quận T, Thành phố HCM; chỗ ở: Hẻm 172, nhà số 12P' NTT, Phường H, Quận T, Thành phố HCM. (Vắng mặt).

2/ Anh: Nguyễn Minh H6, sinh năm: 2000; nơi cư trú: Số 366/34 BĐ, Phường ML, Quận T, Thành phố HCM. (Vắng mặt).

3/ Ông: Bùi Văn T7, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Số 402 ADV, Phường M, Quận S, Thành phố HCM. (Là chủ tiệm cầm đồ BV).

(Vắng mặt).

4/ Bà: Lại Thị H7, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Số 44 Bis đường BH, Phường MBA, Quận S, Thành phố HCM. (Là nhân viên của tiệm cầm đồ LT, nay là NT). (Vắng mặt).

5/ Ông: Bùi Đình P1, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Số 44 Bis đường BH, Phường MBA, Quận S, Thành phố HCM. (Là nhân viên quản lý của tiệm cầm đồ LT, nay là NT). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Nguyễn Vũ T1, Trần Hoàng T2 và Bằng (không rõ lai lịch) là những đối tượng không nghề nghiệp, nghiện ma túy và có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội với nhau.

Vào khoảng 23 giờ, ngày 18/3/2022, V1 đến nhà V2 để chơi. Do không có tiền tiêu xài nên V1 rủ V2 đi tìm tài sản của người khác sở hữu để trộm thì được V2 đồng ý. V2 gọi điện thoại rủ T1 cùng đi trộm cắp tài sản, lúc này T1 đang chờ T2 đi chơi bằng xe Vario, biển số: 59U2-416.08, nên T1 rủ thì T2 đồng ý cùng tham gia đi trộm cắp tài sản với nhau. Cả nhóm hẹn gặp tại bến đò BN, thuộc Phường MS, Quận T. V2 điều khiển xe gắn máy (không rõ hiệu, biển số) chờ V1 ra bến đò đợi T1. Đến khoảng 00 giờ, ngày 19/3/2022, T1 điều khiển xe gắn máy Vario, biển số: 59U2-416.08 chờ T2 đến. Lúc này Bằng điện thoại rủ T1 đi chơi, nên T1 rủ Bằng cùng tham gia trộm cắp tài sản thì Bằng đồng ý rồi chạy xe Dream (không rõ biển số) đến điểm hẹn nêu trên. Tại đây cả nhóm gồm có V1, V2, T1, T2 và Bằng cùng sử dụng ma túy đá và ngồi nói chuyện với nhau. Do không có tiền tiêu xài, nên T1 rủ cả nhóm đi tìm tài sản của người khác để cướp thì cả nhóm đồng ý. T1 lấy bình xịt hơi cay mang theo trước đó đưa cho Bằng giữ, sau đó cả nhóm đi như sau: V2 điều khiển xe gắn máy loại xe giống xe Atila (không rõ biển số) chờ V1; T1 điều khiển xe Vario, biển số: 59U2-416.08 chờ T2 và Bằng chạy xe Dream đi theo sau. Cả bọn đi qua nhiều tuyến đường khác nhau để tìm người có tài sản để cướp. Khi đi được một lúc thì V2 để V1 điều khiển xe chờ V2, lúc này T1 kêu Bằng đưa bình xịt hơi cay cho V2 giữ để V2 dùng cướp tài sản của người khác. Đến khoảng 01 giờ 20 phút, ngày 19/3/2022, khi đi trên tuyến

đường Bến BD (hướng về gần CSH) thuộc Phường 15, Quận 8 thì cả nhóm phát hiện bà Thân Thị Yến N3 đang điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 59H1 – 918.74 đi một mình ngược chiều, nên cả nhóm cùng dừng lại và quay đầu xe cùng hướng với xe của bà N3. Lúc này, T1 nói với V1 “Vision kìa làm đi” thì V1 chờ V2 chạy xe đuổi theo bà N3 được một đoạn và thấy bà N3 chuẩn bị rẽ trái vào hẻm số 5 đường MC, Phường ML, Quận T thì V1 la lên nhiều tiếng “Ê . . . Ê . . .”. Nghe tiếng V1 la, chị N3 hoảng sợ dừng xe lại và tấp xe vào lề đường; ngay lập tức V1 điều khiển xe chạy lên phía trước song song với xe của bà N3, còn V2 dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt bà N3 làm bà N3 bị ngã và bỏ chạy ra khỏi xe; thấy vậy, V2 liền cướp chiếc xe biển số 59H1-918.74 của bà N3 và điều khiển chiếc xe này quay đầu lại chạy về hướng Cầu Số 2 trên tuyến đường Bến BD để tẩu thoát. Bằng thấy vậy, nên cũng quay đầu xe lại và bỏ chạy đi đâu không rõ. Riêng T1 chờ T2 vừa chạy đến thì nhìn thấy có một người đàn ông nhà ở đầu hẻm đang mở cửa ra nhìn, nên T1 giả vờ hỏi bà N3 “gì vậy chị ?” thì bà N3 trả lời “có 02 thằng mới lấy xe em chạy hướng đó” và chỉ về hướng Cầu Số 2 thì T2 và T1 nói “để tụi em đi theo” rồi T1 tri hô “Cướp”, sau đó quay đầu xe lại chạy theo V2 và đồng bọn tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát đến một con hẻm (không rõ địa chỉ) gần khu vực Bưu Điện Quận 5 thì cả nhóm dừng lại, lúc này Bằng bỏ đi đâu không rõ. T1 mở cốp xe Vision, biển số 59H1-918.74 thì phát hiện bên trong cốp xe có 01 túi xách bằng vải (loại giống ba lô) nên lấy túi xách đưa cho T2, T2 mở túi xách ra coi thì thấy trong túi có 01 điện thoại di động Iphone 11 màu xanh và số tiền 1.500.000 đồng. T1 kêu T2 đưa 1.500.000 đồng chia cho V2 và V1, V2 và V1 chia nhau mỗi người được 750.000 đồng. Sau đó V1 chạy xe biển số: 59H1 – 918.74 cùng với V2 đến tiệm cầm đồ BV (đường An Dương Vương, Quận 6) để cầm xe, nhưng chủ tiệm cầm đồ không nhận; nên V1 và V2 đi mượn phòng khách sạn trên đường An Dương Vương, Quận 6 để nghỉ ngơi.

Do V1 không có giấy tờ tùy thân, nên nhờ Lê Công T3 (là anh họ, ở cùng nhà với V1) đến tiệm cầm đồ LT (nay là tiệm NT) địa chỉ: 44 Bis BH, Phường MBA, Quận S, TP. HCM để cầm xe với giá 5.000.000 đồng, trừ tiền phí và lãi còn lại 4.200.000 đồng. Sau khi cầm được xe biển số: 59H1 – 918.74, V1 mua đồ dùng cá nhân và trả tiền xe đi về, còn lại 3.600.000 đồng. Đồng thời, V1 lấy tiền riêng cá nhân của V1 cho T3 200.000 đồng để uống cà phê. Trên đường về nhà V1 kể cho T3 nghe là chiếc xe Vision, biển số: 59H1 – 918.74 nêu trên là do V1 và V2 cùng với đồng bọn dùng bình xịt hơi cay xịt vào người khác để cướp xe ở đường MC, Phường ML, Quận T; nhưng T3 không có phản ứng gì. Số tiền 3.600.000 đồng còn lại V1 chia cho V2 2.000.000 đồng và đưa giấy biên nhận cầm xe cho V2 giữ, còn 1.600.000 đồng V1 tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi chia tài sản cho V1 và V2 xong thì T1 chờ T2 đi qua đường Hưng Phú, Quận 8 tìm chỗ bán chiếc điện thoại Iphone 11 màu xanh nêu trên. Trên đường đi, T1 ghé vào bán điện thoại ở một tiệm điện thoại trên đường HP, Quận T (không nhớ rõ đoạn nào) được số tiền 3.500.000 đồng; T2 và T1 chia đôi số tiền trên mỗi người được 1.750.000 đồng. Sau đó, T1 kiểm tra túi xách thì thấy trong túi xách có 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân, một số thẻ ngân hàng và giấy đăng ký xe biển số 59H1-918.74 mang tên Thân Thị Kiều T6; nên T1 giữ lại giấy đăng ký xe rồi chờ T2 đi ra đường Ba Đình, Phường 9, Quận 8 ném túi xách cùng giấy tờ bên trong xuống kênh Tàu Hủ (không nhớ rõ đoạn nào). Sau đó T2 chờ T1 về nhà, rồi T2 cũng về nhà mình ngủ.

Đến khoảng 07 giờ, cùng ngày 19/3/2022, T2 và T1 bàn nhau chuộc chiếc xe đã cướp được đem bán để lấy tiền nhiều hơn; lúc này T1 điện thoại cho V2 nói là xe có giấy đăng ký trong túi xách thì V2 nói V1 đã cầm xe được 5.000.000 đồng và V2 đang giữ biên nhận cầm xe. T1 rủ V2 kiểm tiền chuộc xe ra bán lấy tiền nhiều hơn thì V2 đồng ý và rủ V1, nhưng V1 không đồng ý tiếp tục tham gia (do V1 nghi ngờ bị nhóm của V2, T1 và T2 ăn chặn bớt tài sản cướp được). Sau đó, do không có tiền chuộc xe, nên V2 đưa giấy biên nhận cầm xe cho T1 và T1 kêu T2 tìm chỗ bán xe (T1 đưa giấy đăng ký xe cho T2). Sau đó, T2 liên lạc với đối tượng tên Dịch (không rõ lai lịch, là bạn quen biết ngoài xã hội) nói có xe Vision biển số 59H1-918.74 có giấy tờ cần bán thì Dịch đồng ý mua. Sau đó, T2 kêu T1 mang theo biên nhận cầm xe đến khu vực gần tiệm cầm đồ NT gặp Dịch để cùng đi chuộc xe (Dịch trả tiền chuộc xe là 5.200.000 đồng). Sau khi kiểm tra xe thì Dịch và T2 thỏa thuận giá mua xe là 10.200.000 đồng, trừ tiền chuộc xe thì Dịch đưa T2 5.000.000 đồng; T2 lấy 2.000.000 đồng và chia cho T1 3.000.000 đồng, T1 chia cho V2 2.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng thì T1 hưởng. Sau đó, cả bọn ai về nhà nấy và tiêu xài hết tất cả số tiền được chia phần trong vụ cướp tài sản nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, V1, V2, T1, T2 khai nhận toàn bộ hành vi “Cướp tài sản” như đã nêu trên. Lê Công T3 cũng khai nhận biết việc các đối tượng trên cướp tài sản, nhưng T2 không tố giác vì V1 có quan hệ họ hàng với T3, nên T3 sợ V1 bị bắt và đi tù.

Bà Thân Thị Yến N3 khai nhận việc bị cướp tài sản phù hợp nội dung như trên.

Bà Thân Thị Yến N3 và bà Thân Thị Kiều T6 cùng khai về chiếc xe gắn máy biển số 59H1-918.74 (đã bị cướp) là do bà N3 bỏ tiền ra mua, nhưng bà N3 nhờ chị ruột là bà Thân Thị Kiều T6 đứng tên hộ (giữa bà T6 và bà N3 không có tranh chấp về chiếc xe).

Ngày 10/5/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 xác định trị giá còn lại của chiếc xe gắn máy, biển số, 59H1- 918.74 nêu trên là 29.280.000 đồng và trị giá còn lại của 01 điện thoại Iphone 11 nêu trên là 8.813.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt qua định giá là 38.093.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 đĩa CD chứa 03 đoạn clip ghi lại hình ảnh các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội (do anh Nguyễn Minh H6 giao nộp).

- 01 đĩa DVD-R chứa đoạn clip ghi lại hình ảnh các đối tượng đến tiệm cầm đồ BV cầm xe (do ông Bùi Văn T7 giao nộp).

- 01 đĩa DVD-R chứa đoạn clip ghi lại hình ảnh các đối tượng đến tiệm cầm đồ NT cầm xe (do bà Lại Thị H7 giao nộp).

- 02 đĩa DVD chứa đoạn clip ghi âm, ghi hình việc lấy lời khai của Lê Công T3.

- 01 xe gắn máy, biển số 59U2-416.08, do T2 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh chiếc xe thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Thu H8 (mẹ ruột của T2). Bà H8 cho T2 mượn chiếc xe trên để đi công chuyện và không biết T2 dùng vào việc phạm tội. Ngày 13/01/2023, Cơ quan điều tra đã trao trả lại chiếc xe nêu trên cho bà H8 và bà H8 không có yêu cầu gì khác.

- Các vật chứng khác có liên quan, nhưng không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, bà Thân Thị Yến N3 chỉ yêu cầu các bị cáo V1, V2, T1, T2 cùng liên đới bồi thường số tiền 38.093.000 đồng theo như kết quả định giá tài sản; ngoài ra không có yêu cầu bồi thường gì khác và gia đình của bị cáo V2 đã bồi thường số tiền 12.500.000 đồng, gia đình của bị cáo T2 đã bồi thường số tiền 12.500.000 đồng; còn lại số tiền 13.093.000 đồng, bà N3 yêu cầu bị cáo V1 và bị cáo T1 phải liên đới tiếp tục bồi thường. Đối với số tiền để trong bóp xe và các tài sản, giấy tờ khác có liên quan (đã bị mất không thu hồi được) thì bà N3 không có yêu cầu bồi thường.

- Bà Thân Thị Kiều T6 không có yêu cầu.

Đối với bà Lai Thị H7, ông Bùi Đình P1 (là nhân viên và quản lý của tiệm cầm đồ NT), ông Bùi Văn T7 (là chủ tiệm cầm đồ BV) và bà Phạm Thị Thu H8 (là mẹ ruột của bị cáo T2 và là chủ sở hữu của chiếc xe gắn máy, biển số 59U2-416.08, mà bị cáo T2 đã dùng vào việc phạm tội); do không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý.

Đối với các đối tượng gồm: Bằng, Dịch (không rõ lai lịch); nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có căn cứ để xử lý trong vụ án này và vẫn đang tiếp tục điều tra làm rõ, sẽ xử lý sau.

* Bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-Q8 ngày 03/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, điểm g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Lê Công T3 về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Ngô Văn V2 và bị cáo Trần Hoàng T2; mỗi bị cáo mức án từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ T1 và bị cáo Dương Quốc V1; mỗi bị cáo mức án từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo V1, T1, T2, V2 (do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và khó thi hành).

- Áp dụng Khoản 1 Điều 390; điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Công T3 mức án từ 09 tháng tù đến 15 tháng tù.

- Về vật chứng: Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án các đĩa CD, DVD có trong hồ sơ vụ án.

- Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo V1 và bị cáo T1 cùng liên đới bồi thường cho bị hại N3, với số tiền 13.093.000 đồng (mỗi bị cáo là 6.546.500 đồng), thi hành việc bồi thường theo quy định của pháp luật.

* Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã cùng các đồng phạm khác thực hiện như Cáo trạng đã nêu và không có ý kiến tranh luận, không bào chữa; các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã cùng các đồng phạm thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo Lê Công T3 cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận của các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2, Lê Công T3 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2 và các đồng phạm khác (không rõ lai lịch) đã sử dụng vũ lực và binh xít hơi cay bất ngờ tấn công bị hại Thân Thị Yến N3, qua đó làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Ngoài ra, việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, với hành vi phạm tội và trị giá tài sản bị chiếm đoạt như trên; đã có đủ cơ sở để kết luận:

Các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2 phạm tội “Cướp tài sản” với các tình tiết “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” và “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt được quy định tại điểm d, điểm g Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Đối với bị cáo Lê Công T3 mặc dù bị cáo biết rõ là bị cáo Dương Quốc V1 cùng các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản”, nhưng bị cáo vẫn không tố giác với cơ quan Công an, mà lẽ ra bị cáo phải tố giác theo quy định của Bộ luật hình sự; nên với hành vi này của bị cáo T3 đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Công T3 phạm tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xét xử nghiêm minh, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để các bị cáo nhận thức được một cách đầy đủ và toàn diện về hành vi phạm tội của mình; qua đó nhằm phát huy tác dụng của hình phạt và có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo nói riêng, cũng như nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Tất cả các bị cáo đều có quá trình nhân thân không tốt, nên Hội đồng xét xử cần phải cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[7] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án “Cướp tài sản”: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, không có tính tổ chức chặt chẽ; trong đó bị cáo Nguyễn Vũ T1 giữ vai trò chính, kế tiếp là bị cáo Dương Quốc V1, các bị cáo khác còn lại tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức rất tích cực. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc vai trò đồng phạm, cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt cho tương xứng và phù hợp.

- Trong vụ án “Không tố giác tội phạm”: Bị cáo Lê Công T3 phải tự mình chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn và cũng tỏ ra ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; bị cáo V2 và bị cáo T2 đã tác động đến gia đình các bị cáo để bồi thường trước một phần thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo T1, T2, V2, V1 phạm tội lần đầu; bị cáo T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[9] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2, Lê Công T3 là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; quan điểm luận tội và mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với từng bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét lời đề nghị của các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1, Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2, Lê Công T3 về việc xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở pháp luật như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được chấp nhận. Đồng thời, lời đề nghị của bị hại Thân Thị Yến N3 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ngô Văn V2 và bị cáo Trần Hoàng T2 là có cơ sở pháp luật, như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được chấp nhận.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; nhưng xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó

khẩn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không áp dụng phần hình phạt bổ sung (miễn cho các bị cáo).

[12] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Thân Thị Yến N3 chỉ yêu cầu được bồi thường số tiền 38.093.000 đồng và gia đình của bị cáo Ngô Văn V2 đã bồi thường trước số tiền 12.500.000 đồng, gia đình của bị cáo Trần Hoàng T2 cũng đã bồi thường trước số tiền 12.500.000 đồng; nên số tiền còn lại phải bồi thường cho bị hại N3 là 13.093.000 đồng. Các bị cáo cùng thống nhất bị cáo Dương Quốc V1 và bị cáo Nguyễn Vũ T1 có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của bị hại và mỗi bị cáo bồi thường theo tỷ lệ $\frac{1}{2}$ của số tiền 13.093.000 đồng (mỗi bị cáo là: $13.093.000 \text{ đồng} / 2 = 6.546.500 \text{ đồng}$), giữa các bị cáo không có tranh chấp về số tiền bồi thường. Tuy nhiên, bị cáo Dương Quốc V1 và bị cáo Nguyễn Vũ T1 xin được thực hiện việc bồi thường cho bị hại nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

Xét, giữa các bị cáo và bị hại đã thống nhất với nhau số tiền các bị cáo phải bồi thường cho bị hại như nêu trên; nhưng hai bên không thống nhất về phương thức, thời gian thực hiện bồi thường.

Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì vậy, bị cáo Dương Quốc V1 và bị cáo Nguyễn Vũ T1 phải có trách nhiệm liên đới thực hiện bồi thường một lần số tiền nêu trên cho bị hại Thân Thị Yến N3, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Thân Thị Kiều T6) không có yêu cầu bồi thường và vắng mặt tại phiên tòa, nên không xem xét giải quyết.

(Bà Thân Thị Kiều T6 và bà Thân Thị Yến N3 không có tranh chấp chiếc xe đã bị chiếm đoạt nêu trên).

[13] Về vật chứng liên quan đến vụ án:

- 01 đĩa CD, 01 đĩa DVD-R, 01 đĩa DVD-R và 02 đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu hình ảnh, chứng cứ của vụ án; nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 chiếc xe gắn máy, biển số 59U2-416.08 (thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Thu H8, là mẹ ruột của bị cáo Trần Hoàng T2); do không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trao trả lại chiếc xe này cho bà Phạm Thị Thu H8 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Các vật chứng khác có liên quan đến vụ án, nhưng không thu hồi được; nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[14] Về án phí sơ thẩm:

- Các bị cáo: Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2, Lê Công T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với bà Lại Thị H7, ông Bùi Đình P1 (là nhân viên và quản lý của tiệm cầm đồ NT), ông Bùi Văn T7 (là chủ tiệm cầm đồ BV) và bà Phạm Thị Thu H8 (là mẹ ruột

của bị cáo T2 và là chủ sở hữu của chiếc xe gắn máy, biển số 59U2-416.08, mà bị cáo T2 đã dùng vào việc phạm tội); do không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với các đối tượng gồm: Bằng, Dịch (không rõ lai lịch); nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có căn cứ để xử lý trong vụ án này và vẫn đang tiếp tục điều tra làm rõ, sẽ xử lý sau; là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, điểm g Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

1/ Bị cáo Nguyễn Vũ T1 09 (chín) năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

2/ Bị cáo Dương Quốc V1 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2022.

- Căn cứ điểm d, điểm g Khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

3/ Bị cáo Ngô Văn V2 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

4/ Bị cáo Trần Hoàng T2 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2, Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 390; các điểm: i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

5/ Bị cáo Lê Công T3 11 (mười một) tháng tù, về tội “Không tố giác tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2023.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Không giải quyết đối với trường hợp của bà Thân Thị Kiều T6.

+ Ghi nhận việc gia đình của bị cáo Ngô Văn V2 đã bồi thường cho bị hại (bà Thân Thị Yến N3) số tiền 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng và bị hại (bà Thân Thị Yến N3) không có yêu cầu bị cáo Ngô Văn V2 bồi thường gì thêm.

+ Ghi nhận việc gia đình của bị cáo Trần Hoàng T2 đã bồi thường cho bị hại (bà Thân Thị Yến N3) số tiền 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng và bị hại (bà Thân Thị Yến N3) không có yêu cầu bị cáo Trần Hoàng T2 bồi thường gì thêm.

+ Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Vũ T1 và bị cáo Dương Quốc V1 cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại (bà Thân Thị Yến N3), mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 6.546. 500 (sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD, 01 (một) đĩa DVD-R, 01 (một) đĩa DVD-R và 02 (hai) đĩa DVD (được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 bảo quản trong một bì thư màu trắng và đánh số bút lục là 46a).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc các bị cáo: Ngô Văn V2, Trần Hoàng T2, Lê Công T3; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

+ Buộc các bị cáo: Nguyễn Vũ T1, Dương Quốc V1; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, với số tiền tính tròn là 327.500 đồng (ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trú